

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và Điều 35 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

- Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Yên N, xã Thanh M, thị xã S, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án và tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án ngày 30 tháng 06 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án và tài liệu kèm theo;

Xét thấy vụ việc đủ điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án theo quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

- Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Yên N, xã Thanh M, thị xã S, thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 02 con chung là Dương Thị Thanh H, sinh ngày 13/10/2010 và Dương Xuân H, sinh ngày 01/5/2012. Giao anh Dương Văn H nuôi cháu H và cháu H. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị H đến khi có yêu cầu mới.

Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung; Công sức: Không có.
- Về án phí: Căn cứ vào Điều 9 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án các đương sự không phải chịu chi phí hòa giải.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TX. Sơn Tây;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Tú